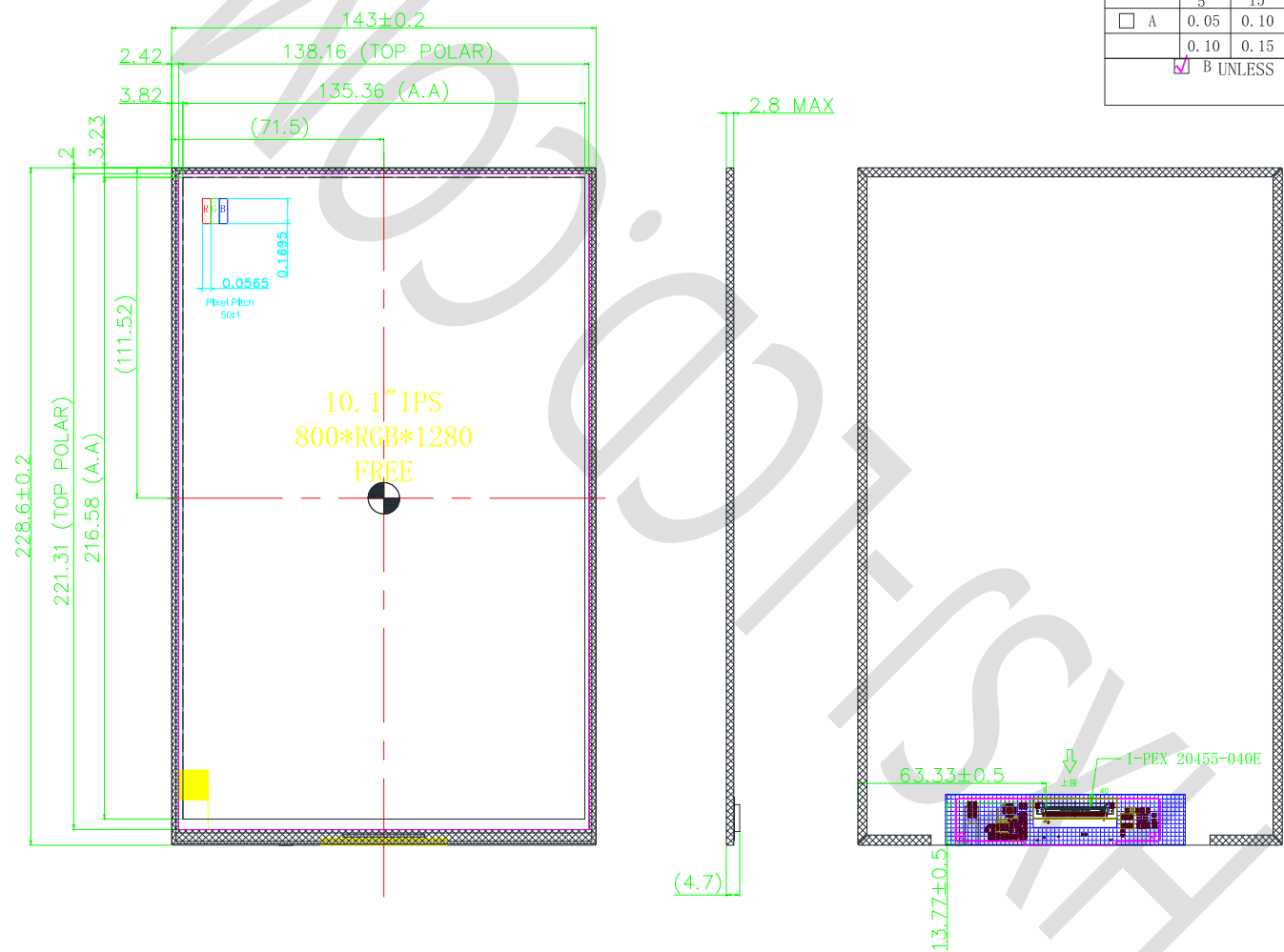


模组图



DIMENSIONAL TOLERANCE (±)						
尺寸范围 (±)						
公差等级	0~5	5~15	15~60	60~150	150~300	300~630
□ A	0.05	0.10	0.15	0.20	0.25	0.30
	0.10	0.15	0.20	0.25	0.30	0.35
B UNLESS OTHERWISE SPECIFIED						
没指定尺寸						

No.	Pin name
1	NC
2	VDD/3.3V
3	VDD/3.3V
4	VDD/3.3V
5	NC
6	NC
7	NC
8	RXIN_0-
9	RXIN_0+
10	GND
11	RXIN_1-
12	RXIN_1+
13	GND
14	RXIN_2-
15	RXIN_2+
16	GND
17	RXIN_CLK-
18	RXIN_CLK+
19	GND
20	RXIN_3-
21	RXIN_3+
22	NC
23	NC
24	NC
25	GND
26	NC
27	NC
28	GND
29	NC
30	NC
31	LED-GND
32	LED-GND
33	LED-GND
34	NC
35	LED-PWM
36	LED-EN
37	NC
38	VLED (3.8-12V)
39	VLED (3.8-12V)
40	VLED (3.8-12V)